

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/DS-PT

Ngày: 09/5/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán:

Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/TBTL-TA ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1500/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Chòm 1, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Luật sư Nguyễn Thị Minh P, Công ty Luật TNHH M; địa chỉ liên hệ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Luật sư Trần Đình L, Công ty Luật TNHH M; địa chỉ: thành phố Hà Tĩnh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần T, bà Nguyễn Thị H;

Địa chỉ: Chòm 1, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

+ Luật sư Vũ Xuân H, Công ty luật TNHH Đ; địa chỉ liên hệ: Quảng Bình. Vắng.

+ Luật sư Phạm Thành T, Công ty luật TNHH Đ; địa chỉ liên hệ: Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Anh Nguyễn D; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Anh Nguyễn L; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Nguyễn D; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

5. UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng.

6. UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng.

**Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn D

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vợ chồng bà được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp quyền sử dụng thửa đất số 342, tờ bản đồ số 02, diện tích 440m² và thửa 344 tờ bản đồ số 02 có diện tích là 110m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A192489, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 350/QSĐĐ/Q-Tr ngày 20/8/1990 mang tên Nguyễn B (ông B chết năm 1992).

Nguồn gốc đất là do ông bà khai khẩn và sử dụng từ năm 1972, trong đó thửa số 342 sử dụng để làm nhà ở và thửa số 344 để trồng hoa màu. Giữa 02 thửa có cách nhau một con đường khoảng 1,5m. Quá trình cấp đất không có ai khiếu nại, khiếu kiện gì. Năm 1984, ông Trần T và bà Nguyễn Thị H về sinh sống, làm nhà trên thửa 345, liền kề với thửa 344. Năm 1992 ông Nguyễn B chết, ông T tiến hành san lấp thửa đất của vợ chồng bà (thửa 344) và bà T có ra ngăn cản việc đổ đất của ông T, tuy nhiên lại không khiếu kiện lên Ủy ban nhân dân xã Q. Năm 2019 sau khi kiểm tra lại diện tích của hai thửa đất để làm thủ tục chia cho các con thì gia đình bà T mới phát hiện đất bị thiếu do bị lấn chiếm. Hiện nay thửa đất 344 và 345 đã được chuyển thành thửa 925, tờ bản đồ số 07

của gia đình ông T và bà H, ông T và Bà H đã xây dựng nhà hai tầng kiên cố trên thửa 344 này.

Nay bà T khởi kiện, yêu cầu ông Trần T và bà Nguyễn Thị H tháo dỡ nhà trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm 110 m² tại thửa đất số 344, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp trước đây cho gia đình bà. Đồng thời yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho gia đình ông T, bà H vào ngày 19/12/2006 tại thửa số 925, tờ bản đồ số 07, có diện tích 327m² (trong đó: 200m² đất ở tại nông thôn, 127m² đất trồng lúa).

** Bị đơn ông Trần T, bà Nguyễn Thị H tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất gia đình ông bà đang sử dụng: Năm 1984, sau khi vợ chồng ông bà kết hôn thì có chủ trương cấp đất ở, vợ chồng ông được chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Phù Sơn cấp đất năm 1988 tại Chòm 1, thôn P, xã Q, huyện Q thuộc thửa 345, tờ bản đồ 02, gia đình ông làm nhà nhỏ và sinh sống trên thửa đất số 345. Đối với thửa 344, gia đình ông đã sử dụng nhiều năm nhưng không ai có ý kiến khiếu nại, khiếu kiện gì. Thửa 344 trước đây là một hố bom, quá trình sử dụng, vào năm 2000 gia đình ông gánh đất san lấp xây dựng hàng rào trồng rau và hoa màu. Đến năm 2006, gia đình ông đổi lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 533302 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp. Năm 2008, ông T xây dựng căn nhà hai tầng kiên cố và vào ở cho đến nay. Trong thời gian đó, bà T không có ý kiến gì hai gia đình vẫn vui vẻ không xảy ra tranh chấp. Diện tích xây dựng trên thửa đất số 925 tờ bản đồ số 07 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 533302 cấp ngày 19-12-2006. Công trình nhà ở bắt đầu khởi công cho đến hoàn thành đều có sự chứng kiến của bà con hàng xóm trong đó có bà T. Khi hoàn thành gia đình ông bà có tổ chức tiệc về nhà mới và có mời bà con đến tham dự trong đó có bà T và con cái của bà trong thời gian đó cũng không xảy ra tranh chấp gì. Vào cuối năm 2019 mới có thông báo là bà T có đơn kiện về tranh chấp đất ở. Vợ chồng ông T cho rằng gia đình ông đã sử dụng đúng diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho gia đình ông nên không chấp thuận đơn yêu cầu khởi kiện của bà T buộc gia đình ông phải tháo dỡ các công trình trên đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn L, Nguyễn D, Nguyễn L và chị Nguyễn Thị T thống nhất theo lời trình bày của bà T.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Q trình bày:*

Ngày 20/8/1990 ông Nguyễn B là chồng của bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 342, tờ bản đồ số 02, có diện tích 440m² (trong đó đất ở 200m²; đất màu 240m²) và thửa đất số 344, tờ bản đồ số 02 diện tích 110m² đất màu. Ngày 20/8/1990 Ông Trần T và bà Nguyễn Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 2, có diện tích 240m². Đến năm 2005 thực hiện dự án đa dạng hóa nông nghiệp về đo đạc lập bản đồ địa chính tại xã Q (được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt vào tháng 6 năm 2005), trong quá trình đo đạc hộ ông Trần T và Nguyễn Thị H đã chỉ dẫn ranh giới mốc giới sử dụng đất của gia đình là hai thửa đất nên đoàn đo đạc đã gộp 2 thửa (thửa 345 và thửa 344, bản đồ số 02) thành thửa số 925 tờ bản đồ số 07 có diện tích 327 m² (trong đó: 200m² đất ở tại nông thôn, 127m² đất trồng lúa). Ngày 09/08/2006, gia đình ông Trần T và bà Nguyễn Thị H làm đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ theo kết quả đo đạc là thửa số 925, tờ bản đồ số 07, có diện tích 327m². Như vậy việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 cấp cho ông Trần T và bà Nguyễn Thị H trên diện tích đất năm 1990 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn B là không đúng với quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. Tuy nhiên hiện nay ông T và bà H đã xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất số 344, tờ bản đồ số 02 (bản đồ địa chính cũ). Do đó Ủy ban nhân dân huyện Q đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đúng theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Q có đại diện theo pháp luật là ông Tình trình bày:* UBND xã Q thống nhất theo quan điểm của UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vào năm 2005 có dự án đa dạng hóa nông nghiệp, xã Q được dự án đo đạc lại và chỉnh lý bản đồ, sau khi thực hiện đo đạc xong đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở để các hộ dân biết, đồng thời có phiếu giao diện tích đất cho từng hộ để ký tên xác nhận. Bà T và ông T cũng đã ký tên vào các phiếu này. Đến năm 2006, tiến hành cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ dân, ông T được cấp đổi Giấy chứng nhận thửa 925, tờ bản đồ số 7, bà T được cấp đổi lại thửa 875, tờ bản đồ số 7 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 166, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 3, 4, 48 và 49 Luật đất đai 1987;

Áp dụng các điều 10, 50, 105 Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng các điều 166, 170, 202, 203 Luật đất đai 2013,;

Áp dụng các điều 3, 164, 166, 275 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Trần T và bà Nguyễn Thị H trả lại đất đã lần chiếm có diện tích 110m² đất màu thuộc thửa đất 344, tờ bản đồ 02 xã Q, huyện Q, tỉnh

Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A192489, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 350 QSDĐ/Q-Tr cấp ngày 20/8/1990 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Nguyễn B; nay là một phần thửa 925, tờ bản đồ 07 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 533302, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00172 ngày 19/12/2006 do UBND huyện Q cấp cho ông Trần T và bà Nguyễn Thị H ngày 19/12/2006.

Có hiện trạng như sau: ở phía Bắc giáp đường giao thông là 14,6m, ở phía Nam giáp đất nhà ông Trần T dài 15m, Phía Tây giáp thửa 926 của ông Nguyễn Văn Cẩn là 7,72m, phía đông giáp đường giao thông dài 7,6m. diện tích 110m² thuộc thửa đất số 344 tờ bản đồ số 02, diện tích theo hiện trạng thực tế 113m² tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Do ông Trần T và bà Nguyễn Thị H đã xây dựng công trình kiên cố trên đất tranh chấp, không thể tháo dỡ được nên phải thanh toán giá trị bằng tiền đối với phần đất đã lấn chiếm; buộc ông Trần T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 21.780.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) là giá trị bằng tiền phần diện tích 110 m² đất đã lấn chiếm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông T và bà H tháo dỡ nhà trả lại đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 533302, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00172 ngày 19/12/2006 đã được UBND huyện Q cấp cho ông Trần T và bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 12/7/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Trường hợp không hủy án sơ thẩm thì buộc vợ chồng ông T, bà H trả lại đất cho gia đình bà T hoặc đền bù giá trị hợp lý theo giá đất thị trường hiện tại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm của các đương sự; sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn D, nhận thấy:

[1.1] Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 344, tờ bản đồ số 2, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; ngày 20/8/1990, UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số A 192489 đứng tên ông Nguyễn B (chồng bà Nguyễn Thị T) có diện tích 110m², loại đất màu; trong đó ông B còn được cấp quyền sử dụng đất thửa 342, tờ bản đồ số 2, diện tích 440m² (200m² đất ở, 240m² đất màu).

[1.2] Vợ chồng ông Trần T, bà Nguyễn Thị H cũng được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 1990, với diện tích 240m² thuộc thửa đất số 345, tờ bản đồ số 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số A 192056.

[1.3] Tại Công văn số 773/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 gửi Tòa án nhân dân huyện Q của UBND huyện Q xác định: Năm 2005, thực hiện Dự án đa dạng hóa nông nghiệp về đo đạc lập bản đồ địa chính xã Q (được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tháng 6/2005), trong quá trình đo đạc đã gộp 02 thửa đất (thửa 345 và thửa 344, tờ bản đồ số 02) thành một thửa là thửa số 925, tờ bản đồ số 07, có diện tích 327m² (trong đó: 200m² đất ở nông thôn, 127m² đất trồng lúa); ngày 09/8/2006 gia đình ông Trần T, bà Nguyễn Thị H làm đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q đã xác nhận vào đơn ngày 13/9/2006 và được UBND huyện Q cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số phát hành AG 533302 ngày 19/12/2006... Như vậy, việc cấp đổi GCNQSDĐ năm 2005 cho ông Trần T và bà Nguyễn Thị H trên diện tích đất năm 1990 đã cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn B là không đúng quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

[1.4] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 24/3/2021 xác định: Giá trị diện tích đất tranh chấp: 110m² x 33.000 đồng/m² đất trồng cây hàng năm x 6 (hệ số vị trí) = 21.780.000 đồng. Trên phần diện tích đất tranh chấp, vợ chồng ông Trần T, bà Nguyễn Thị H đã xây dựng căn nhà 02 tầng kiên cố từ năm 2014. Tòa án sơ thẩm xác định giá trị đất theo giá do UBND tỉnh quy định là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính.

Trên cơ sở yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn D; ngày 09/12/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định số 09/2021/QĐ-UTTP, ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành định giá lại diện tích đang tranh chấp theo giá thị trường. Tại Chứng thư thẩm định giá số 0110.1/CT/TVĐN.QB ngày 10/01/2022 của Công ty cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng xác định giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 1.209.120.000 đồng.

[1.5] Ngày 28/02/2022, ông Trần T và bà Nguyễn Thị H có đơn không chấp nhận kết quả định giá của Công ty cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng và yêu cầu định giá lại.

Ngày 25/4/2022, ông Trần T và bà Nguyễn Thị H cung cấp Chứng thư thẩm định giá số CTBDDN0250422 ngày 20/4/2022 của Công ty TNHH thẩm

định giá Hoàng Quân, xác định giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 524.469.880 đồng (do ông T, bà H tự trưng cầu giám định).

[1.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận và thống nhất nội dung sau: Do vợ chồng ông T, bà H đã xây dựng căn nhà 02 tầng kiên cố, nếu tháo dỡ sẽ gây thiệt hại rất lớn, nên vợ chồng ông T, bà H được quyền sử dụng diện tích 110m² đất màu thuộc thửa đất 344, tờ bản đồ số 02 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A192489, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 350 QSDĐ/Q-Tr cấp ngày 20/8/1990 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Nguyễn B; nay là một phần thửa 925, tờ bản đồ 07 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 533302, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00172 ngày 19/12/2006 do UBND huyện Q cấp cho ông Trần T và bà Nguyễn Thị H ngày 19/12/2006. Vợ chồng ông Trần T, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 550.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất diện tích 110 m² đất đã lấn chiếm.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; sửa án sơ thẩm.

Vợ chồng ông Trần T, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 110m² đất màu thuộc thửa đất 344, tờ bản đồ 02 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A192489, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 350 QSDĐ/Q-Tr cấp ngày 20/8/1990 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Nguyễn B; nay là một phần thửa 925, tờ bản đồ 07 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 533302, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00172 ngày 19/12/2006 do UBND huyện Q cấp cho ông Trần T và bà Nguyễn Thị H ngày 19/12/2006.

Vợ chồng ông Trần T, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 550.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất diện tích 110 m² đất đã lấn chiếm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002450 ngày 12/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; Hoàn trả cho ông Nguyễn D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002449 ngày 12/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các Quyết định khác về chi phí thẩm định, định giá, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, trách nhiệm chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào